

Số: 430/QĐ-THPTML

Mường Luân, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nguồn kinh phí dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MƯỜNG LUÂN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-SGDĐT ngày 04/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở GD&ĐT năm 20256 và giai đoạn 2027-2031;

Căn cứ Quyết định số 1981/QĐ-SGDĐT ngày 22/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-SGDĐT ngày 21/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-SGDĐT ngày 18/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc thu hồi kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2025 còn dư hết nhiệm vụ chi;

Căn cứ Quyết định số 602/QĐ-SGDĐT ngày 29/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-SGDĐT ngày 07/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc giao kinh phí tiết kiệm chi ngân sách nhà nước theo Nghị quyết 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán trường THPT Mường Luân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nguồn kinh phí dự toán năm 2026 thực hiện theo Quyết định số 845/QĐ-SGDĐT ngày 04/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở GD&ĐT năm 2026 và giai đoạn 2027-2031. Cụ thể:

1. Điều chỉnh kinh phí dự toán thu chi ngân sách giao đầu năm 2026:
 - Kinh phí được giao dự toán đầu năm nguồn 12: 12.856.740.000 đồng.
 - Kinh phí đề nghị điều chỉnh từ nguồn 12 sang nguồn 13: 8.843.000.000 đồng
 - Kinh phí còn lại tại nguồn 12 sau khi điều chỉnh: 4.013.740.000 đồng (trong đó nguồn 12 là 3.695.000.000 đồng, nguồn 18 là 318.740.000 đồng).
2. Điều chỉnh kinh phí đã thực hiện chi từ nguồn 12 sang nguồn 13
 - Số kinh phí đã chi từ 12 điều chỉnh sang nguồn 13 là: 6.797.953.857 đồng. (chi tiết kèm phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách mẫu số C2-10/NS)
 - Số kinh phí tiết kiệm chi ngân sách nhà nước theo Nghị quyết 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 xin điều chỉnh từ nguồn 12 sang nguồn 13 là 20.000.000 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trường THPT Mường Luân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được điều chỉnh đúng mục đích, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Bộ phận kế toán có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh mã nguồn dự toán từ nguồn 12 sang nguồn 13 với số tiền 8.843.000.000 đồng, đồng thời phối hợp với KBNN khu vực X-PGD số 2 để thực hiện việc điều chỉnh trên hệ thống số tiền đã chi theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

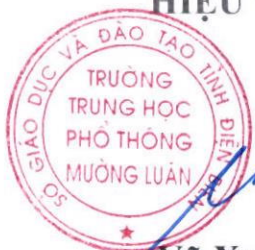
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận Kế toán và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN khu vực X-PGD số 2;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Xuân Hồng

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C2-10/NS

(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
Số: NVK00028

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU NGÂN SÁCH

Đơn vị đề nghị điều chỉnh: TRƯỜNG THPT MUỖNG LUÂN

Đề nghị Kho bạc nhà nước: Kho bạc nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 2 điều chỉnh số liệu chi ngân sách

Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh dự toán chi ngân sách từ nguồn 12 sang nguồn 13

Số TT	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Diễn giải	Năm NS	Mã TKKT	Tạm ứng	Thực chi	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã nguồn NSNN	Mã dự phòng	Số tiền	
																	Nợ	Có
			I. Số liệu đã hạch toán														6.797.953.857	
1			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6001	2	1033362		422	074		12		2.360.963.326	
2			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6051	2	1033362		422	074		12		117.653.625	
3			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6101	2	1033362	-	422	074		12		62.595.000	-
4			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6102	2	1033362		422	074		12		459.396.000	
5			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6103	2	1033362		422	074		12		261.965.340	
6			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6107	2	1033362		422	074		12		4.212.000	
7			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6112	2	1033362		422	074		12		1.757.622.240	
8			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6113	2	1033362		422	074		12		21.060.000	
9			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6115	2	1033362		422	074		12		278.246.862	
10			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6121	2	1033362		422	074		12		431.802.000	
11			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6149	2	1033362		422	074		12		16.075.800	
12			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6201	2	1033362		422	074		12		50.874.000	
13			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6253	2	1033362		422	074		12		15.640.000	
14			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6301	2	1033362		422	074		12		492.713.160	
15			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6302	2	1033362		422	074		12		84.670.693	
16			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6304	2	1033362		422	074		12		28.223.575	
17			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6501	2	1033362		422	074		12		19.826.748	
18			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6551	2	1033362		422	074		12		28.124.570	
19			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6552	2	1033362		422	074		12		24.550.800	
20			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6553	2	1033362		422	074		12		4.050.000	
21			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6601	2	1033362		422	074		12		1.337.600	

Số TT	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Diễn giải	Năm NS	Mã TKKT	Tạm ứng	Thực chi	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã nguồn NSNN	Mã dự phòng	Số tiền	
																	Nợ	Có
22			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6603	2	1033362		422	074		12		348.382	
23			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6605	2	1033362		422	074		12		7.361.992	
24			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6701	2	1033362		422	074		12		16.294.360	
25			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6702	2	1033362		422	074		12		97.110.000	
26			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6703	2	1033362		422	074		12		40.266.000	
27			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6799	2	1033362		422	074		12		10.273.074	
28			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6912	2	1033362		422	074		12		11.180.000	
29			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6913	2	1033362		422	074		12		815.660	
30			Điều chỉnh nguồn	2026			x	6955	2	1033362		422	074		12		18.463.000	
31			Điều chỉnh nguồn	2026			x	7001	2	1033362		422	074		12		10.878.200	
32			Điều chỉnh nguồn	2026			x	7049	2	1033362		422	074		12		36.322.500	
33			Điều chỉnh nguồn	2026			x	7756	2	1033362		422	074		12		1.515.800	
34			Điều chỉnh nguồn	2026			x	7757	2	1033362		422	074		12		8.052.550	
35			Điều chỉnh nguồn	2026			x	7854	2	1033362		422	074		12		17.469.000	
			II. Số liệu để nghị điều chỉnh														6.797.953.857	
1	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6001	2	1033362		422	074		13		2.360.963.326	
2	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6051	2	1033362		422	074		13		117.653.625	
3	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6101	2	1033362		422	074		13		62.595.000	
4	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6102	2	1033362		422	074		13		459.396.000	
5	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6103	2	1033362		422	074		13		261.965.340	
6	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6107	2	1033362		422	074		13		4.212.000	
7	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6112	2	1033362		422	074		13		1.757.622.240	
8	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6113	2	1033362		422	074		13		21.060.000	
9	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6115	2	1033362		422	074		13		278.246.862	
10	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6121	2	1033362		422	074		13		431.802.000	
11	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6149	2	1033362		422	074		13		16.075.800	
12	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6201	2	1033362		422	074		13		50.874.000	
13	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026			x	6253	2	1033362		422	074		13		15.640.000	

14	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6301	2	1033362		422	074		13		492.713.160
15	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6302	2	1033362		422	074		13		84.670.693
16	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6304	2	1033362		422	074		13		28.223.575
17	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6501	2	1033362		422	074		13		19.826.748
18	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6551	2	1033362		422	074		13		28.124.570
19	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6552	2	1033362		422	074		13		24.550.800
20	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6553	2	1033362		422	074		13		4.050.000
21	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6601	2	1033362		422	074		13		1.337.600
22	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6603	2	1033362		422	074		13		348.382
23	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6605	2	1033362		422	074		13		7.361.992
24	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6701	2	1033362		422	074		13		16.294.360
25	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6702	2	1033362		422	074		13		97.110.000
26	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6703	2	1033362		422	074		13		40.266.000
27	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6799	2	1033362		422	074		13		10.273.074
28	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6912	2	1033362		422	074		13		11.180.000
29	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6913	2	1033362		422	074		13		815.660
30	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	6955	2	1033362		422	074		13		18.463.000
31	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	7001	2	1033362		422	074		13		10.878.200
32	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	7049	2	1033362		422	074		13		36.322.500
33	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	7756	2	1033362		422	074		13		1.515.800
34	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	7757	2	1033362		422	074		13		8.052.550
35	06/10/2026		Điều chỉnh nguồn	2026				x	7854	2	1033362		422	074		13		17.469.000

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày tháng năm

ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
Ngày 06 tháng 10 năm 2026

KÊ TOÁN

KÊ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

KÊ TOÁN
(Ký, ghi họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Sùng Thị Hoa



Mu Tuấn Hồng